TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ M** **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/ 2024/ HSST.
Ngày: 29/02/2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M - TỈNH H
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Thế Dương.
- Các Hội thẩm nhân dân: 1- Ông Phan Xuân H.
2- ÔngBùi Văn Động.

Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thúy Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, tỉnh H tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Yến- Kiểm sát viên.

Ngày 29/02/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã M, tỉnh H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2024/TLST-HS ngày 05/02/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-HS ngày 19/02/2024 đối với bị cáo:

*** Đỗ Việt H, sinh năm 1988** tạ ixã LH, huyện VL, tỉnh H;Hộ khẩu thường trú:Thôn QT, xã LH, huyện VL, tỉnh H; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Giới tính: Nam;Họ và tên bố: Đỗ Văn D; Họ và tên mẹ: Phạm Thị N; Có vợ: Phạm Hải Cvà có 02 con;Tiền sự, tiền án: Chưa có.

Bị cáo H hiện đang được tại ngoại tại xã LH, huyện VL, tỉnh H *(Có mặt tại phiên tòa)*.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Vũ Thị Q, sinh năm 1977*(Vắng mặt)*.
Địa chỉ: Tổ dân phố PN, phường B, thị xã M, tỉnh H.

2. Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1991*(Vắng mặt)*.
Địa chỉ: Thôn LC, xã NT, huyện VG, tỉnh H.

3. Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1985*(Vắng mặt)*.
Địa chỉ: Tổ 7, xã VH, quận LB, Thành phố HN.

4. Anh Đào Văn T, sinh năm 1988*(Vắng mặt)*.
Địa chỉ: Thôn QT, xã LH, huyện VL, tỉnh H.

5. Chị Trần Thị N, sinh năm 1980*(Vắng mặt)*.

Địa chỉ: Khu dân cư TT, phường VA, thành phố CL, tỉnh HD.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Việt H, sinh năm 1988, hộ khẩu thường trú ở thôn QT, xã LH, huyện VL, tỉnh H, không đăng ký ngành nghề kinh doanh có điều kiện nhưng từ ngày 16/3/2022 đến ngày 26/11/2022 H đã cho chị Vũ Thị Q, sinh năm 1977 hộ khẩu thường trú ở tổ dân phố PN, phường B, thị xã M vay 06 lần với tổng số tiền 70.000.000đ, lãi suất là 1.000.000đ/10.000.000đ/01 tháng, tương ứng với lãi suất 120%/01năm, *(gấp 06 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015)*. H và chị Q thống nhất tiền lãi tính theo tháng, thanh toán tiền lãi từ ngày 15 đến ngày 25 hàng tháng, nếu chị Q vay thêm thì H sẽ trừ luôn tiền lãi vào số tiền vay thêm, đến tháng 6/2023 H không tính tiền lãi đối với số tiền gốc 70.000.000đ. Việc H cho chị Q vay tiền, cũng như chị Q trả tiền lãi cho H đều được chuyển khoản thông qua số tài khoản của chị Q 105866764265 mở tại Ngân hàng Viettinbank và 03 số tài khoản của H, số tài khoản 19039645041016 mở tại Ngân hàng Techcombank, số tài khoản 0981.811.536 và số tài khoản 9120.12603.1988 đều mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội *(MB)*. Cụ thể các lần H cho cho vay như sau:

Ngày 16/3/2022, H chuyển khoản cho chị Q vay số tiền 20.000.000đ, tính đến tháng 6/2023 chị Q phải trả H tiền lãi là 32.000.000đ, nhưng chị Q mới trả được 28.000.000đ. Theo quy định của Bộ luật dân sự, H chỉ được thu tiền lãi tối đa của khoản vay trên là 20% là 5.333.333đ. Như vậy số tiền thực tế H đã thu lời bất chính là:32.000.000đ - 5.333.333đ = 26.666.667đ.

Ngày 18/3/2022, H chuyển khoản cho chị Q vay số tiền 10.000.000đ đến hết tháng 6/2023, số tiền lãi chị Q phải trả H là 16.000.000đ, nhưng chị Q mới trả được 15.000.000đ. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì H chỉ được thu tiền lãi tối đa của khoản vay trên là 2.666.667đ. Như vậy số tiền thực tế H thu lời bất chính là: 16.000.000đ - 2.666.667đ= 13.333.333đ.

Ngày 21/3/2022, H chuyển khoản cho chị Q vay số tiền 10.000.000đđến hết tháng 6/2023, số tiền lãi chị Q phải trả H là 16.000.000đ, nhưng chị Q mới trả được 13.500.000đ. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì H chỉ được thu tiền lãi tối đa của khoản vay trên là 2.666.667đ. Như vậy số tiền thực tế H thu lời bất chính là: 16.000.000đ - 2.666.667đ = 13.333.333đ.

Ngày 20/5/2022, H chuyển khoản cho chị Q vay số tiền 10.000.000đ, đến hết tháng 6/2023, số tiền lãi chị Q phải trả 14.000.000đ, nhưng chị Q mới trả được 12.000.000đ. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì H chỉ được thu tiền lãi tối đa của khoản vay trên là 2.333.333đ. Như vậy số tiền thực tế H thu lời bất chính là: 14.000.000 đ - 2.333.333đ = 11.666.667đ.

Ngày 25/11/2022, H chuyển khoản cho chị Q vay số tiền 10.000.000đ đếnhết tháng 6/2023, số tiền lãi chị Q phải trả 8.000.000đ, nhưng chị Q đã trả được 6.500.000đ. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì H chỉ được thu tiền lãi tối đa của

khoản vay trên là 1.333.333đ. Như vậy số tiền thực tế H thu lời bất chính là: 8.000.000đ – 1.333.333đ = 6.666.667đ.

Ngày 26/11/2022, H chuyển khoản cho chị Q vay số tiền 10.000.000đđến hết tháng 6/2023, số tiền lãi chị Q phải trả 8.000.000đ. nhưng chị Q mới trả được 3.500.000đ. Theo quy định của Bộ luật dân sự thì H chỉ được thu tiền lãi tối đa của khoản vay trên là 1.333.333đ. Như vậy số tiền thực tế H thu lời bất chính là: 8.000.000đ - 1.333.333đ = 6.666.667đ.

Ngày 28/9/2023 chị Vũ Thị Q làm đơn trình báo Công an thị xã M.

Quá trình điều tra H đã thành khẩn khai nhận hành vi cho chị Q vay tiền với lãi suất cao như đã nêu ở trên, đồng thời H tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax vỏ máy màu xanh.

Cơ quan điều tra đã tiến hành sao kê lịch sử giao dịch đối với số tài khoản của chị Q và H, thu thập các tin nhắn trong điện thoại của H nhắn tin với chị Q, đồng thời tiến hành cho chị Q và H giải trình nội dung giao dịch trong tài khoản và các đoạn tin nhắn giữa H và chị Q. Chị Q và H đều xác định là nội dung chuyển khoản tiền vay và tiền trả lãi giữa H với chị Q.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax vỏ máy màu xanh H sử dụng làm phương tiện phạm tội. Hiện đang bảo quản tại kho vật chứng của Công an thị xã M.

Ngoài ra H còn khai nhận: Trong khoảng thời gian nêu trên H còn cho anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1991 ở thôn LC, xã NT, huyện VG, tỉnh H vay số tiền 72.000.000đ với lãi suất 900.000đ/01 tháng/ tổng số tiền vay; Cho chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1985 ở tổ 7, xã VH, quận LB, thành phố HN vay số tiền 120.000.000đ với lãi suất 1.500.000đ/ 01 tháng; Cho chị Trần Thị N, sinh năm 1980 ở khu dân cư TT, phường VA, thành phố CL, tỉnh HD vay số tiền 160.000.000đ với lãi suất 2.000.000đ/ 01 tháng, sau đó chị Nvay thêm 160.000.000đ nữa với lãi suất 2.000.000đ/ 01 tháng; Cho anh Đào Văn T, sinh năm 1988 ở thôn QT, xã LH, huyện VL vay số tiền 72.000.000đ với lãi suất 900.000đ/ 01 tháng. Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với anh T, chị H, anh T và chị H đều thừa nhận vay tiền của H với lãi suất nêu trên. Còn anh T, chị N không có mặt tại địa phương nên không làm việc được. Đối với khoản cho vay này H thu tiền lãi tương ứng 15%/ năm, thấp hơn mức lãi suất quy định nên không có căn cứ để xử lý đối với H về hành vi này.

Như vậy trong khoảng thời gian từ ngày 16/3/2022 đến ngày 26/11/2022 Đỗ Việt H đã cho chị Vũ Thị Q vay tổng số 70.000.000đ nhằm thu lời bất chính số tiền 94.000.000đ. Thực tế H đã thu lời bất chính số tiền 78.500.000đ. Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, H chỉ được thu tiền lãi không quá 20% là 15.666.667đ, như vậy số tiền thực tế thu lời bất chính là 62.833.333đ. Ngày 01/9/2023 chị Q đã chuyển khoản trả nợ H 5.000.000đ, hiện chị Q còn nợ H 65.000.000đ tiền gốc. Còn số tiền lãi 15.500.000đ, H và chị Q thống nhất khi nào chị Q trả hết nợ gốc thì H và chị Q sẽ thanh toán sau. Chị Q yêu cầu H phải trả chị Q số tiền H đã thu lời bất chínhsố tiền thực tế là 62.833.333đ.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKSMH ngày 02/02/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã M đã truy tố bị cáo Đỗ Việt Hvề tội*"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

***Tại phiên toà**:* Vắng mặt toàn bộnhững người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan làchị Vũ Thị Q, anh Nguyễn Minh T, chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Đào Văn T, chị Trần Thị N.

Bị cáo Đỗ Việt H và Đại diện Viện kiểm sát đều đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vì những người vắng mặt đã có lời khai đầy đủ tại hồ sơ nên việc vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án.

Bị cáoĐỗ Việt H thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã M duy trì công tố tại phiên toà giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố bị cáo Đỗ Việt H và đề nghị với Hội đồng xét xử:

* Căn cứ vào: Khoản 1Điều 201; điểms, i khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự.

* Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Việt H phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.

* Xử phạt: Bị cáo Đỗ Việt H từ 01 năm đến 01 năm 03 thángcải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Giao bị cáo Đỗ Việt H cho Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục bị cáo.

Buộc bị cáo Đỗ Việt H phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo yêu cầu của Chính quyền địa phương và thực hiện nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

+ Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

+ Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48của Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối Cao.

Buộc bị cáo H phải nộp lại số tiền 5.000.000đ;

Buộc người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Q phải nộp lại số tiền 65.000.000đ để nộp ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo H phải trả lại chị Vũ Thị Q số tiền 62.833.333đ.

Truy thu sung quỹ nhà nước của bị cáo Đỗ Việt H số tiền lãi 15.666.667đ *(Mười lăm triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng)* và chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13Promax vỏ máy màu xanh.

Tịch thu cho tiêu huỷ 01 chiếc sim điện thoại lắp bên trong chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13Promax vỏ máy màu xanh thu giữ của bị cáo H.

+ Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Đỗ Việt H không tranh luận gì về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và các vấn đề khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1- Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã M, Điều tra viên, kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mtrong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện nên đều hợp pháp.

2- Lời khai nhận của bị cáo Đỗ Việt H trong quá trình điều tra và tại phiên toà phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án, biên bản vụ việc, biên bản khám xét, vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ nên có đủ căn cứ kết luận: *"Trong khoảng thời gian từ ngày 16/3/2022 đến ngày 26/11/2022 Đỗ Việt H đã cho chị Vũ Thị Q vay tổng số tiền 70.000.000đ với mức lãi suất là 1.000.000đ/ 10.000.000đ/ 01 tháng, tương ứng với lãi suất 120%/ 01năm (gấp 06 lần so với mức lãi suất cao nhất trong giao dịch dân sự quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015), nhằm mục đích thu lời bất chính số tiền 94.000.000đ. Số tiền lãi thực tế H đã thu của chị Q là 78.500.000đ, trong đó số tiền thu lời bất chính thực tế là 62.833.333 đồng"*. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã M đã truy tố bị cáo Đỗ Việt H về tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"* theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

3- Bị cáo Đỗ Việt H phạm tội độc lập, tội phạm đã hoàn thành. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, Ngân hàng, ảnh hưởng trật tự, trị an của xã hội. Hành vi này làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân,bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự. Do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện. Để có tác dụng giáo dục đối với bị cáo cũng như đấu tranh phòng, chống tội phạm chung trong xã hội, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xéttrong quá trình điều tra và tại phiên toà xét thấy:Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Năm 2001, bố của bị cáo H được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương chiến sĩ

vẻ vang; Bị cáo có đơn trình bày hoàn cảnh, xin được cải tạo tại địa phương và miễn hình phạt bổ sung được chính quyền địa phương xác nhận. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự,nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt Cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật hình sự và giao bị cáo H cho Ủy ban nhân dân xã LH - huyện VL, tỉnh H nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục đối với bị cáo cũng đủ tác dụng cải tạo bị cáo sớm trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

4- Về hình phạt bổ sung và việc khấu trừ thu nhập: Quá trình điều tra và tại phiên toà xác định bị cáo có khó khăn về kinh tế, có đơn trình bày hoàn cảnh, là lao động chính được chính quyền địa phương xác nhận, không có tài sản riêng, hiện tại không có việc làm và thu nhập gì. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ miễn việc khấu trừ thu nhập và miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

5- Về Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Đối với tổng số tiền gốc 70.000.000đ là tiền của H trực tiếp liên quan đến tội phạm. Tuy nhiên, ngày 01/09/2023, chị Q đã chuyển khoản trả nợ H 5.000.000 đồng trong tổng số tiền gốc trên.Nay, chị Qcòn nợ chưa trả cho H số tiền gốc 65.000.000 đồng.Xét đây là số tiền gốc dùng vào việc phạm tội nênsẽ buộc bị cáo H phải nộp lại số tiền 5.000.000đ, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Qphải nộp lại số tiền 65.000.000đ để nộp ngân sách nhà nước.

Đối với tổng số tiền lãi Hđã thu lời bất chính là78.500.000đ*(trong đó lãi theo quy định của bộ luật dân sự là 15.666.667đ, và tiền thu lời bất chính là 62.833.333đ)*. Do số tiền 15.666.667đ là tiền liên quan đến tội phạm nên sẽ tịch thu của H số tiền nàyđể sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 62.833.333đ là tiền bị cáo H đã thu lời bất chính của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Vũ Thị Q, bị cáo H phải có trách nhiệm trả cho chị Q số tiền này theo quy định.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13Promax vỏ máy màu xanhcủaH tự nguyện giao nộp. Quá trình điều tra và tại phiên toà xác định chiếc điện thoại trên là tài sản hợp pháp của H, H sử dụng điện thoại này vào việc phạm tộinênsẽ cho tịchthu sung quỹ Nhà nước chiếc điện thoại này, còn đối với chiếc sim điện thoại không có giá trị sử dụng sẽ cho tịch thu tiêu hủy.

Quá trình điều tra H còn khai nhận: Trong khoảng thời gian nêu trên H còn cho anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1991 ở thôn LC, xã NT, huyện VG vay số tiền 72.000.000đ với lãi suất 900.000đ/ 01 tháng/ tổng số tiền vay; cho chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1985 ở tổ 7, xã VH, quận LB, thành phố HN vay số tiền 120.000.000đ với lãi suất 1.500.000đ/ 01 tháng; cho chị Trần Thị N, sinh năm 1980 ở khu dân cư TT, phường VA, thành phố CL, tỉnh HD vay số tiền 160.000.000đ với lãi suất 2.000.000 đồng/ 01 tháng, sau đó chị N vay thêm 160.000.000đ nữa với lãi suất 2.000.000đ/ 01 tháng; cho anh Đào Văn T, sinh năn 1988 ở thôn QT, xã LH, huyện VL số tiền 72.000.000đ với lãi suất 900.000đ/ 01 tháng. Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với anh T, chị H, anh T và chị H đều thừa nhận vay tiền của H

với lãi suất nêu trên. Còn anh T, chị Nhiện không có mặt tại địa phương nên không làm việc được.

Đối với các khoản cho vay này, H thu tiền lãi tương ứng 15%/ năm, thấp hơn mức lãi suất quy định nên không có căn cứ để xử lý đối với H về hành vi này. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết về hành vi này.

Đối với anh T, chị Nhiện không có mặt tại địa phương. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ nếu có căn cứ sẽ xử lý sau theo quy định của pháp luật.

Về án phí:Bị cáoĐỗ Việt H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự.

* Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Việt H phạm tội *"Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"*.

* Xử phạt: Bị cáo Đỗ Việt H 01*(Một)* năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Giao bị cáo Đỗ Việt H cho Ủy ban nhân dân xã LH, huyện VL, tỉnh H để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo H có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã LH trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo bị xử phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 100 của Luật thi hành án hình sự số 41/ 2019/ QH14 ngày 14/ 6/ 2019.

Buộc bị cáo Đỗ Việt H phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo yêu cầu của Chính quyền địa phương và thực hiện nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

+ Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

+ Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48của Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối Cao.

Buộc bị cáo H phải nộp lại số tiền 5.000.000đ*(Năm triệu đồng)*;Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Q phải nộp lại số tiền 65.000.000đ *(Sáu mươi lăm triệu đồng)* để nộp ngân sách nhà nước.

Buộc bị cáo H phải trả lại chị Vũ Thị Q số tiền 62.833.333đ*(Sau mươi hai triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng)*.

Truy thu sung quỹ nhà nước của bị cáo Đỗ Việt H số tiền lãi 15.666.667đ *(Mười lăm triệu, sáu trăm sáu mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng)*.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13Promax vỏ máy màu xanh.

Tịch thu cho tiêu huỷ 01 chiếc sim điện thoại lắp bên trong chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13Promax vỏ máy màu xanh thu giữ của bị cáo H.

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng theoquyết định chuyển vật chứng số:08/QĐ-VKSMH ngày 02/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã M, tỉnh H).

* Về án phí: Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đỗ Việt Hphải chịu 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)* tiền án phí hình sự sơ thẩm.

* Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã M;
- Cơ quanCSĐT-CA thị xãM;
- Cơ quan T.H.AHS-CA thị xã M;
- Chi cục T.H.A DS thị xã M;
- Phòng KTNV và T.H.A - Tòa án tỉnh H;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trương Thế Dương